

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): 26KMC/209743



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): **CÔNG TY TNHH MÁY MÓC FULI VIỆT NAM**

Địa chỉ (Address): **Tầng 15, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): **Máy đào bánh xích**

Nhãn hiệu (Trade mark): **SANY**

Tên thương mại (Commercial name): **SY415H**

Số khung (Chassis Nº): **SYK11040ET3C00001**

Nước sản xuất (Production country): **CHINA**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): **107944365100/30/01/2026**

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): **001932/26MC-069/001**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): **03/02/2026 / Thành phố Hà Nội**

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): **001932/26MC**

Mã kiểu loại (Model code): **SY415H**

Màu xe (Vehicle color): **Vàng; Đen**

Số động cơ (Engine Nº): **6UZ1549361**

Năm sản xuất (Production year): **2026**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	41700	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	11700 x 3360 x 3740	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	6UZ1-XDHAG-02-C3, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	257/2000	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	5,3	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Thể tích gầu (Bucket capacity):	2,2	m ³
Kiểu gầu (Bucket type):	Gầu nghịch	
Bán kính đào lớn nhất (Max digging reach):	10920	mm
Chiều cao đổ lớn nhất (Max dumping clearance):	6960	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvic@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 08/02/2026
23:21:37

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân

Email:

quanh.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM

VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG

Thời gian:

08/02/2026 23:21:36

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3751666